

Bản án số: 29/2024/HS-ST

Ngày: 25/03/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Liễu

Bà Võ Thị Yến Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na - Thư ký TAND TP Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Bà Ngô Thị Bích Phượng và bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 25/03/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công
ki xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02
năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HS ngày 11
tháng 03 năm 2024 đối với bị cáo:

Phùng Đình Dương K; Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 24/5/1980 tại Đà
Nẵng; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: 129 đường C, tổ phường H, quận
L, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: buôn bán (Nguyên là công chức địa chính
– xây dựng phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng); Cha: Phùng Đình C; Mẹ:
Đinh Thị Mỹ H (Đều còn sống); gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con cả; có
vợ là Nguyễn Trần Ngọc H và 03 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm
2020). Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/7/2023, hiện đang
bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phùng Đình Dương K: Ông Lê Ngọc Đoàn,
Công ty Luật TNHH Lê Thị Hồng Thanh và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư thành
phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 82 Huy Cận, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu,
thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm: 1954. Trú tại: Tổ 66, phường H, quận L,
thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị Thùy H, sinh năm: 1960. Trú tại: Tổ 66, phường H, quận
L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1982. Trú tại: 130 Nguyễn Lương Bằng, tổ 11, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4/ Ông Nguyễn Tấn H1, sinh năm: 1976. Trú tại: Tổ 64, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

5/ Ông Lê Thanh C, sinh năm: 1956. Trú tại: Tổ 67, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

6/ Ông Trần Hữu Q, sinh năm: 1962. Trú tại: Tổ 29, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

7/ Ông Huỳnh Văn D, sinh năm: 1959. Trú tại: Tổ 66, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

8/ Ông Đặng Ngọc N, sinh năm: 1981. Trú tại: 2 Phú Thạch 3, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

9/ Bà Phùng Thị Bích T, sinh năm 1968; Trú tại: Tổ 66, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

10/ Ông Nguyễn Tấn C, sinh năm: 1983. Trú tại: Tổ 64, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

11/ Bà Ngô Thị B, sinh năm: 1962. Trú tại: Tổ 65, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

12/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1964. Trú tại: Tổ 66, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

13/ Ông Nguyễn Cao K, sinh năm: 1993. Trú tại: Tổ 62, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

14/ Ông Nguyễn Duy T, sinh năm: 1984. Trú tại: Tổ 86, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt..

15/ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1984. Trú tại: Tổ 66, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

16/ Bà Đỗ Thị Thu V, sinh năm: 1965. Trú tại: Tổ 66, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

17/ Ông Đặng Đức N, sinh năm: 1982. Trú tại: K856/17 Tôn Đức Thắng, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

18/ Ông Phan Văn Đ, sinh năm: 1979. Trú tại: tổ 71, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

19/ Bà Lê T, sinh năm: 1966. Trú tại: 251 Âu Cơ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

20/ Bà Đồng Thị H, sinh năm: 1968. Trú tại: 251 Âu Cơ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

21/ Bà Lại Thị H, sinh năm: 1966. Trú tại: 265 Âu Cơ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

22/ Ông Lê T, sinh năm: 1964. Trú tại: 265 Âu Cơ, phường H, quận L,

thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

23/ Ông Trần Nam H, sinh năm: 1973. Trú tại: số 10 Đường L, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

24/ Ông Doãn H, sinh năm: 1956. Trú tại: 46 Đ, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt..

25/ Ông Nguyễn Đ, sinh năm: 1958 . Trú tại: 14, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

26/ Ông Huỳnh Việt T, sinh năm: 1951. Trú tại: phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

27/ Ông Lê Văn Â, sinh năm: 1974. Trú tại: phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

28/ Ông Huỳnh Thanh V, sinh năm: 1978. Trú tại: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

29/ Ông Trần Minh H, sinh năm: 1979. Trú tại: Phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

30/ Ông Bùi Văn C, sinh năm: 1974. Trú tại: phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

31/ Ông Vũ Đức P, sinh năm: 1979. Trú tại: phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

32/ Ông Đào Ngọc D, sinh năm: 1981. Trú tại: phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

33/ Ông Phạm Hữu C, sinh năm: 1983. Trú tại: phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

34/ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm: 1963. Trú tại: phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

35/ Ông Huỳnh Xuân P, sinh năm: 1968. Trú tại: phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

36/ Ông Bùi Văn H, sinh năm: 1969. Trú tại: Phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

37/ Ông Lê Trung H, sinh năm: 1984. Trú tại: phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 292b, tờ bản đồ số 12, phường H, quận L, TP Đà Nẵng; quá trình thuê đất của DNTN dệt Đa Phước:

Thửa đất số 292b, tờ bản đồ số 12; diện tích: 14.210m²; loại đất: cây lâu năm khác (LNK); tọa lạc tại thôn Đ, xã K, huyện H, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (nay là Tổ 66, phường H, quận L, TP Đà Nẵng), do UBND xã Hoà Khánh (cũ) quản lý. Năm 1992, UBND xã Hoà Khánh giao một phần đất của thửa đất số 292b cho Hội bảo thọ xã Hoà Khánh để trồng cây lâu năm. Đến năm 1996, Hội bảo thọ xã Hoà Khánh bán lại vườn cây cho Ban nhân dân thôn Đa Phước (sau này là Khối phố Đa Phước).

Ngày 28/6/2001, DNTN dệt Đa Phước do vợ chồng ông Nguyễn Hữu V (Sinh năm: 1954), bà Nguyễn Thị Thùy H (Sinh năm: 1960) cùng trú Tổ 66, phường H, quận L, TP Đà Nẵng làm chủ, đền bù cây cối, hoa màu trên đất cho Khối phố Đa Phước để làm thủ tục thuê đất xây dựng xưởng sản xuất có diện tích 2.375m².

Sau đó, DNTN dệt Đa Phước liên hệ và được UBND phường Hoà Khánh hướng dẫn thủ tục thuê đất, ngày 07/11/2001, DNTN dệt Đa Phước có Tờ trình số 15/TT gửi UBND TP Đà Nẵng và Sở Xây dựng TP Đà Nẵng xin phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng xưởng sản xuất. Trên cơ sở Tờ trình số 226/TTr-SXD ngày 13/11/2001 của Sở Xây dựng, ngày 19/11/2001, UBND TP Đà Nẵng ban hành Quyết định số 7168/QĐ-UB phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng xưởng sản xuất dệt nhuộm tơ tằm. Ngày 20/12/2001, DNTN dệt Đa Phước có Tờ trình số 07/TT-CT gửi đến Văn phòng HĐND & UBND TP Đà Nẵng đề nghị cho thuê 2.375m² đất để xây dựng cơ sở sản xuất. Trên cơ sở bút phê chỉ đạo của ông Nguyễn Bá Thanh, nguyên Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng và ông Nguyễn Đ, nguyên Giám đốc Sở Địa chính – Nhà đất, hồ sơ xin thuê đất của DNTN dệt Đa Phước được chuyển đến cho Phòng quy hoạch, giao đất tham mưu thực hiện. Theo đó, Phòng quy hoạch, giao đất tham mưu Sở Địa chính – Nhà đất Tờ trình số 158/TT-ĐCND ngày 28/01/2002 trình UBND TP Đà Nẵng thu hồi khu đất có diện tích 2.375m² và cho DNTN dệt Đa Phước thuê để xây dựng xưởng sản xuất. Ngày 30/01/2002, UBND TP Đà Nẵng ban hành Quyết định số 807/QĐ-UB về việc thu hồi, cho DNTN dệt Đa Phước thuê đất và giao Sở Địa chính – Nhà đất có trách nhiệm phối hợp với UBND quận Liên Chiểu và UBND phường Hoà Khánh xác định mốc giới khu đất thu hồi tại thực địa, giám sát việc sử dụng đất của DNTN dệt Đa Phước theo đúng các quy định của Luật đất đai; ký hợp đồng thuê đất với DNTN dệt Đa Phước. Ngày 12/3/2002, DNTN dệt Đa Phước có Tờ trình số 18/TT-CTY về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ).

Ngày 13/3/2002, Sở Địa chính – Nhà đất có Tờ trình số 357/TT-ĐCND đề nghị UBND TP Đà Nẵng xem xét, cấp GCNQSDĐ cho DNTN dệt Đa Phước với thời hạn sử dụng đất là 20 năm, kể từ ngày 30/01/2002 đến hết ngày 30/01/2022. Ngày 18/3/2002, UBND TP Đà Nẵng ban hành Quyết định số 1847/QĐ-UB về việc cấp GCNQSDĐ cho DNTN dệt Đa Phước. Ngày 18/03/2002, ông Hoàng

Tuấn Anh - Phó Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng ký cấp GCNQSDĐ số R347709, vào sổ số: 005269QSDĐ cho DNTN dệt Đa Phước.

Sau thời gian đó, ông Nguyễn Hữu V và bà Nguyễn Thị Thùy H đã chia nhỏ thửa đất đã thuê để bán cho nhiều hộ dân, trong đó, có bản 02 thửa đất cho hộ ông Nguyễn Văn H (sinh năm: 1982; Trú: Tổ 23, phường H, quận L, TP Đà Nẵng) vào năm 2015 và hộ ông Nguyễn Tấn H1 (sinh năm: 1976; Trú: Tổ 64, phường H, quận L, TP Đà Nẵng) vào năm 2011. Đến năm 2016, hộ ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Tấn H1 được Sở Tài nguyên và môi trường TP Đà Nẵng cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Giai đoạn 1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Hữu V, Nguyễn Thị Thuý Hương về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Vụ án đã được đưa ra xét xử và bản án đã có hiệu lực pháp luật; đồng thời, tách hành vi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc theo dõi thuê đất của DNTN dệt Đa Phước và cấp 02 GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Tấn H1 chồng lên thửa đất của DNTN dệt Đa Phước để tiếp tục điều tra, làm rõ ở giai đoạn 2 của vụ án.

2. Hành vi của Phùng Đình Dương K:

Phùng Đình Dương K được bổ nhiệm ngạch công chức địa chính - xây dựng phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng từ ngày 02/6/2014 đến ngày 15/7/2018 (theo Quyết định số 2261/QĐ-UBND ngày 02/6/2014 và Quyết định số 5369/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu). Về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường và công chức địa chính, xây dựng trong quy trình cấp GCNQSDĐ lần đầu được quy định tại các văn bản sau:

- Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; phủ tục hành chính số 02 công bố tại Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 02/4/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (bổ sung theo Quyết định số 6534/QĐ- UBND ngày 14/9/2015 của UBND TP Đà Nẵng); Quyết định số 9375/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn 1 thành phố Đà Nẵng, theo đó, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong quy trình cấp GCNQSDĐ lần đầu được thực hiện như sau:

+ Thông báo cho Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện trích đo địa chính thửa đất hoặc kiểm tra bản trích đo địa chính thửa đất do người sử dụng đất nộp (nếu có) đối với nơi chưa có bản đồ địa chính.

+ Kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng tài sản gắn liền với đất so với nội dung kê Ki đăng ký, xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất, sự phù hợp với quy hoạch đối với trường hợp không có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất; xác nhận tình trạng tranh chấp

quyền sở hữu tài sản đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sở hữu tài sản; xác nhận thời điểm tạo lập tài sản, thuộc hay không thuộc trường hợp phải cấp phép xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch được duyệt đối với nhà ở, công trình xây dựng, xác nhận sơ đồ nhà ở hoặc công trình xây dựng nếu chưa có xác nhận của tổ chức có tư cách pháp nhân về hoạt động xây dựng hoặc hoạt động đo đạc bản đồ.

+ Niêm yết công Ki kết quả kiểm tra hồ sơ, xác nhận hiện trạng, tình trạng tranh chấp, nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất trong thời hạn 15 ngày; xem xét giải quyết các ý kiến phản ánh về nội dung công Ki và gửi hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai. Hết thời hạn 15 ngày, Ủy ban nhân dân xã phải ban hành thông báo hoặc biên bản kết thúc việc niêm yết.

- Trách nhiệm của công chức địa chính – xây dựng được quy định tại Điều 6 Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn:

"1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng, đô thị, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ:

a) Thu thập thông tin, tổng hợp số liệu, lập sổ sách các tài liệu và xây dựng các báo cáo về đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên, môi trường và đa dạng sinh học, công tác quy hoạch, xây dựng, đô thị, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

...

d) Chủ trì, phối hợp với công chức khác thực hiện các thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận hồ sơ và thẩm tra để xác nhận nguồn gốc, hiện trạng đăng ký và sử dụng đất đai, tình trạng tranh chấp đất đai và biến động về đất đai trên địa bàn; xây dựng các hồ sơ, văn bản về đất đai và việc cấp phép cải tạo, xây dựng các công trình và nhà ở trên địa bàn để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật."

Như vậy, trong quy trình cấp GCNQSDĐ lần đầu, Phòng Đình Dương K có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân phường xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai để chuyển Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng thực hiện các thủ tục tiếp theo. Tuy nhiên, bị can đã cố ý làm trái công vụ, xác nhận sai nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với

hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Tấn H1 gây thiệt hại cho Nhà nước, cụ thể như sau:

Theo hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ của hộ ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Tấn H1 thì điều kiện được cấp GCNQSDĐ được quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ: "Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (công nhận quyền sử dụng đất) cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, Điều 18 của Nghị định này và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 101 của Luật Đất đai, Điều 23 của Nghị định này được thực hiện theo quy định như sau:

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là không có tranh chấp sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đất đã sử dụng từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch, chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp phải thu hồi thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:..."

* Đối với hộ ông Nguyễn Văn H, bị cáo đã cố ý làm trái trong xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất trong hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ, cụ thể:

Năm 2015, vợ chồng ông Nguyễn Văn H mua 01 thửa đất của ông Nguyễn Hữu V, ông Vĩnh thuê người khác làm giả hồ sơ nguồn gốc đất thành "Đơn xin chuyển nhượng nhà đất" từ ông Nguyễn Hữu V sang cho ông Nguyễn Văn H, có xác nhận của ông Lê Thanh C, nguyên Phó Chủ tịch UBND phường Hoà Khánh nhưng ghi lùi thời gian lại ngày 04/3/2003. Đến cuối năm 2015, ông Nguyễn Văn H ủy quyền cho ông Trần Hữu Q (sinh năm: 1962, trú: Tổ 29, phường Hoà Hiệp Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng) liên hệ các cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ lần đầu.

Sau khi nhận hồ sơ, ông Trần Hữu Q nộp tại Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân phường Hoà Khánh Bắc và hồ sơ được chuyển đến cho Phùng Đình Dương K để thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định. K tham mưu nội dung văn bản và trình ông Đặng Ngọc N, nguyên Chủ tịch UBND phường Hoà Khánh Bắc ký ban hành Thông báo niêm yết số 483/TB-UBND ngày 17.11.2015 và niêm yết tại UBND phường Hoà Khánh Bắc.

Tiếp đó, Phùng Đình Dương K chuẩn bị nội dung Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất rồi đến gặp ông Phùng Văn Dũng (tổ trưởng Tổ dân phố 51C, phường Hoà Khánh Bắc) để nhờ ông Dũng cùng phối

hợp lấy ý kiến khu dân cư. Khi K gặp ông Dũng thì được ông Dũng trả lời là từ trước đến nay vợ chồng ông H3 không sinh sống ở đây. Sau đó, K và ông Dũng qua nhà ông Phạm Tam cách nhà ông H3 khoảng 30 mét, tại đây, K có gặp ông Tam và vợ là Phùng Thị Bích T, K giải thích là đang làm thủ tục để cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Khánh Ly mua lại đất của ông Nguyễn Hữu V, K đến để xác định tình trạng tranh chấp của thửa đất. K giấu thông tin, không hỏi người dân là ông H3 và bà Ly có sinh sống từ năm 2003 hay không và không cho đọc lại Phiếu lấy ý kiến vì sợ nói ra người dân sẽ không ký xác nhận và K sẽ không làm thủ tục cấp được GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Văn H theo đúng thời hạn. Vợ chồng ông Tam trả lời là chỉ biết ông Nguyễn Hữu V, còn ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Khánh Ly không sinh sống ở đây và không biết hai người này. Mặc dù biết ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Khánh Ly không sinh sống trên thửa đất từ năm 2003 nhưng K vẫn đưa Phiếu lấy ý kiến về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất cho ông Tam, bà Trung và ông Dũng ký xác nhận vào Phiếu lấy ý kiến thửa đất của ông H3, sau đó K chờ tại nhà ông Tam để tìm thêm người xác nhận vào Phiếu lấy ý kiến cho đủ số lượng. Đến cuối giờ chiều cùng ngày, K thấy có một nhóm khoảng 05 người đi làm rẫy về, K đưa Phiếu lấy ý kiến khu dân cư cho những người dân này ký, nói là ký cho đủ chữ ký để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Qua làm việc, ông K thừa nhận có nhận thức được 05 người này sống cách xa nhà ông H3, không thể biết được nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của ông H3 như thế nào.

Sau khi hoàn tất việc thông báo kết quả niêm yết, K biết trường hợp ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Khánh Ly không đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ, nhưng do số lượng hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ nhiều, vì sợ trễ thời hạn, lãnh đạo UBND phường phê bình nên K đã điền thông tin xác nhận đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ và ký lên đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ, trình cho Ông Đặng Ngọc N ký, đóng dấu trên đơn đăng ký ghi ngày 17/11/2015. Sau khi ông Đặng Ngọc N ký xác nhận, Phùng Đình Dương K đưa lại hồ sơ cho Bộ phận một cửa UBND phường Hoà Khánh Bắc để trả lại cho ông Trần Hữu Q liên hệ Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh quận Liên Chiểu để thực hiện các thủ tục tiếp theo.

Đến ngày 18/12/2015, ông Trần Hữu Q nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận Liên Chiểu. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận Liên Chiểu phân công cán bộ tiến hành đo vẽ thực tế diện tích đất và nhà tại hiện trường; kiểm tra, đối chiếu bản đồ quy hoạch, in hồ sơ kỹ thuật thửa đất; chuyển thông tin cho Chi cục Thuế quận Liên Chiểu để xác định tiền thuế, tiền sử dụng đất; xác nhận đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP vào Đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ và chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng. Văn phòng

đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng tiếp nhận, thẩm tra các thủ tục trình ông Nguyễn Đ, nguyên Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố ký, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 826800, số vào sổ cấp GCN: CTs 87690, ngày cấp: 25/01/2016 cho hộ ông Nguyễn VănHuỳnh và bà Nguyễn Thị Khánh Ly.

* Đối với hộ ông Nguyễn Tấn H1, bị cáo đã cố ý làm trái trong xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ, cụ thể:

Năm 2011, ông Nguyễn Tấn H1 mua 01 thửa đất của vợ chồng ông Nguyễn Hữu V. Sau đó, ông Nguyễn Tấn H1 nhờ ông Lê Thanh C, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hoà Khánh làm giúp hồ sơ nguồn gốc đất hay còn lại là “hồ sơ ba lá”. Ông Lê Thanh C làm giả 01 bộ hồ sơ gồm “Đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở” và “Sơ đồ vị trí khu đất xin giao để xây dựng nhà ở” đứng tên vợ chồng ông Nguyễn Tấn H1, bà Nguyễn Thị N, có xác nhận của ông Lê Thanh C nhưng ghi lùi lại ngày 25/10/2002.

Ngày 21/4/2016, ông Nguyễn Tấn H1 uỷ quyền cho ông Trần Hữu Q liên hệ cơ quan chức năng làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Ông Trần Hữu Q nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận Liên Chiểu. Hồ sơ được Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh quận Liên Chiểu phân công cán bộ kỹ thuật tiến hành do về thực tế thửa đất và nhà tại hiện trường, kiểm tra, đối chiếu bản đồ quy hoạch, in hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Sau đó, hồ sơ được Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận Liên Chiểu trả lại cho ông Trần Hữu Q liên hệ UBND phường Hòa Khánh Bắc để xác nhận về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất.

Ông Quang nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân phường Hoà Khánh Bắc và hồ sơ được giao cho Phùng Đình Dương K thực hiện các thủ tục xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất theo quy định. Tuy nhiên, quá trình thực hiện quy trình lấy ý kiến của khu dân cư, Phùng Đình Dương K không tổ chức cuộc họp lấy ý kiến của khu dân cư để xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng thửa đất mà đưa cho ông Trần Hữu Q để đưa cho ông Nguyễn Tấn H1 tự liên hệ các hộ dân để lấy ý kiến. Sau đó, ông H2 đưa cho em trai là ông Nguyễn Tấn C liên hệ bà Ngô Thị B, ông Nguyễn Văn T ký, ông H2 tự liên hệ ông Đặng Cao K ký. Đối với trường hợp ông Nguyễn Duy T, Nguyễn Hữu T không tham gia lấy ý kiến, không ký vào Phiếu lấy ý kiến, chữ ký của 02 ông trên Phiếu lấy ý kiến đều là giả. Riêng trường hợp bà Đỗ Thị Thu V, K cùng ông Huỳnh Văn Đến gặp trực tiếp nhưng chỉ giải thích là ký xác nhận cho ông H2 làm GCNQSDĐ, không giải thích rõ nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông H2 theo hồ sơ ông H2 cung cấp là từ năm 2002 thì có chính xác hay không. Những người được lấy ý kiến chỉ biết việc ký vào Phiếu lấy ý kiến để xác nhận vợ chồng ông H2 có sinh sống tại tổ dân phố để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, không được giải thích là xác

nhận về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất là từ năm 2002. Phùng Đình Dương K biết rằng, nếu giải thích cho người dân ký xác nhận cho hộ ông Nguyễn Tấn H1 sống từ năm 2002 thì người dân sẽ không ký xác nhận vào Phiếu lấy ý kiến, đồng thời, K nhận thức được việc đưa Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư để ông Nguyễn Tấn H1 tự liên hệ lấy ý kiến của người dân là không đúng quy định và không có căn cứ để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông Nguyễn Tấn H1. Tuy nhiên, do số lượng hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ nhiều, vì sợ trễ thời hạn, lãnh đạo UBND phường phê bình mà K vẫn xác nhận cho hộ ông Nguyễn Tấn H1 sinh sống trên thửa đất trước ngày 01/7/2004 để được cấp GCNQSDĐ. Ngày 26/4/2016, Phùng Đình Dương K trình ông Đặng Mới N, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hoà Khánh Bắc ký Thông báo niêm yết số 220/TB-UBND. Ngày 17/5/2016, K trình ông Đặng Đức N ký Thông báo kết quả thực hiện nội dung Thông báo niêm yết cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn Tấn H1 và bà Nguyễn Thị N. Sau khi thông báo kết quả niêm yết, Phùng Đình Dương K trình hồ sơ cho ông Phan Văn Đ, quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hoà Khánh Bắc ký, đóng dấu vào đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ. Xử lý xong hồ sơ, Phùng Đình Dương K trả lại hồ sơ cho Bộ phận một cửa UBND phường Hoà Khánh Bắc để trả lại cho ông Trần Hữu Q nộp hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận Liên Chiểu.

Ngày 04/6/2016, ông Trần Hữu Q nộp lại hồ sơ tại Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh quận Liên Chiểu. Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh quận Liên Chiểu gửi Phiếu chuyển thông tin cho Chi cục Thuế quận Liên Chiểu để xác định thuế đất; xác nhận đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP vào Đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ và luân chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai TP Đà Nẵng. Văn phòng đăng ký đất đai TP Đà Nẵng tiếp nhận, thẩm tra các thủ tục trình ông Nguyễn Đ ký, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 092520, số vào sổ cấp GCN: CTs 101067, ngày cấp: 01/7/2016 cho hộ ông Nguyễn Tấn H1 và bà Nguyễn Thị N.

* Kết quả trưng cầu giám định:

Ngày 14.9.2023, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số 230/QĐ-TCGD trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng giám định chữ viết, chữ ký.

Tại Kết luận giám định số 868/KL/KTHS ngày 12.10.2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Chữ ký mang tên Phùng Đình Dương K và chữ viết tại mục “II. XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN” trên “Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” của ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Tấn H1 là chữ viết, chữ ký của Phùng Đình Dương K.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 102/KL-HĐĐGTS ngày 30/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP Đà Nẵng, kết luận:

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 143; diện tích 91,5m²; tại: Tổ 51C, phường H, quận L, TP Đà Nẵng (cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H) tại thời điểm tháng 01/2016 có giá: 191.692.500 đồng.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 143; diện tích 69,5m²; tại: Tổ 51C, phường H, quận L, TP Đà Nẵng (cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn H1) tại thời điểm tháng 7/2016 có giá: 145.602.500 đồng. Bút lục số: từ 13 đến 18).

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu vật chứng: Đơn xin đất trồng cây cho Hội bảo thọ ghi xác nhận của UBND xã Hoà Khánh vào năm 1992 kèm giấy bán vườn cây (bản gốc, không còn nguyên vẹn); 01 (một) Sổ đỏ mặt bằng, có chữ ký của người có tên Phạm Phước - cán bộ quản lý đất đai và Dương Thành Thị - Chủ tịch UBND xã Hoà Khánh (bản gốc, không còn nguyên vẹn): Cơ quan điều tra chuyển cùng hồ sơ vụ án để phục vụ việc truy tố, xét xử.

Truy tố: Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKSĐN-P1 ngày 05 tháng 2 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phùng Đình Dương K về tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo thừa nhận hành vi đã thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu và kết luận; thừa nhận hành vi làm trái công vụ của mình, thừa nhận tội danh Viện kiểm sát truy tố là đúng. Nói lời sau cùng: Bị cáo xin HĐXX xem xét nguyên nhân, bối cảnh thực hiện hành vi phạm tội, không có vụ lợi, xem xét về nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình, các tình tiết giảm nhẹ, xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội trở về nuôi dạy con cái, giúp đỡ gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng, khẳng định hành vi của bị cáo K đã phạm tội "*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật; trên cơ sở phân tích tính chất, mức độ phạm tội, hậu quả của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù.

- Quan điểm bào chữa của Luật sư Lê Ngọc Đoàn cho bị cáo: Luật sư không có ý kiến gì về tội danh, điểm khoản Điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, luật sư cho rằng mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc, đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết như: Nguyên nhân, điều

kiện, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo; bị cáo không được đào tạo chuyên ngành về nghiệp vụ địa chính – xây dựng, làm việc theo kinh nghiệm, hiểu biết về luật đất đai hạn chế; bị cáo thực hiện hành vi sai trái trong bối cảnh số lượng hồ sơ địa chính nhiều, áp lực công việc và sợ bị lãnh đạo phê bình, hoàn toàn không có vụ lợi mà chỉ muốn hoàn thành nhiệm vụ; không biết các thửa đất xin cấp GCNQSDĐ của hộ ông H3 và hộ ông H2 là do ông Nguyễn Hữu V cất đất thuê của Nhà nước bán; không biết được việc ông Lê Thanh C – nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh cũ ký và ghi lùi thời gian hợp thức vào hồ sơ về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của hộ ông H2 và ông H3; theo quy định của pháp luật thì trường hợp hồ sơ đã có giấy tờ xác nhận về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì không bắt buộc phải thẩm tra, xác minh lại; bị cáo chỉ có lỗi là khi thực hiện việc lập Phiếu lấy ý kiến khu dân cư do tin tưởng hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của 02 hộ trên là hợp lệ nên đã chủ quan, làm không đúng, không đảm bảo quy định của pháp luật; lỗi để xảy ra hậu quả trên thuộc về nhiều tổ chức, cá nhân có liên quan như Sở tài nguyên môi trường, Sở xây dựng, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh quận Liên Chiểu, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng, và Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh Bắc qua các thời kỳ chứ không riêng gì bị cáo. Bên cạnh đó, luật sư cũng đề nghị HĐXX xem xét: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội; trong quá trình công tác trước đây được Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu tặng thưởng Giấy khen; hiện có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đã nghỉ việc từ năm 2018, là lao động chính có vợ và 03 con còn nhỏ; cha bị cáo hiện già yếu được chính quyền địa phương xác nhận là người khuyết tật thần kinh – tâm thần; bị cáo có xác nhận của cơ quan chuyên môn bị bệnh tâm thần dạng rối loạn trầm cảm; trong quá trình tố tụng bị cáo đã thành khẩn Ki báo, hợp tác với cơ quan điều tra, thừa nhận sai phạm và ăn năn hối cải; từ đó luật sư đề nghị xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Sau khi kiểm tra, đánh giá HĐXX xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp, đúng với quy định của pháp luật hình sự .

[2] Qua xem xét lời Ki nhận tội của bị cáo, lời Ki của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định:

Nguyên thửa đất số 292b, tờ bản đồ số 12 có diện tích 14.210m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại địa chỉ thôn Đa Phước, xã Hòa Khánh cũ, huyện Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, nay là tổ 66 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng là đất do Nhà nước thống nhất quản lý. Năm 2002, trên cơ sở đề nghị của DNTN Dệt Đa Phước và tham mưu của Sở tài nguyên môi trường và Sở xây dựng, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã có quyết định cho DNTN Dệt Đa Phước thuê diện tích đất 2.375 m² trong tổng số 14.210m² đất của thửa đất nói trên với thời hạn 20 năm từ ngày 30/01/2002 đến ngày 30/01/2022 và cấp GCNQSDĐ thuê cho DNTN Dệt Đa Phước.

Từ năm 2007, DNTN Dệt Đa Phước không còn hoạt động do ảnh hưởng của cơn bão Xăngsen và do làm ăn thua lỗ, nợ nần Ngân hàng; lúc này bà Nguyễn Thị Thùy H và ông Nguyễn Hữu V là chủ DNTN Dệt Đa Phước đã chia nhỏ thửa đất thuê của Nhà nước kèm theo nhà xưởng để lừa bán cho nhiều hộ dân để chiếm đoạt tiền; trong đó có bán cho hộ ông Nguyễn Tấn H1 diện tích 65,7m² vào năm 2011 và bán cho hộ ông Nguyễn Văn H diện tích đất 98,8m² vào năm 2015; 02 thửa đất này sau đó đã được ông Lê Thanh C – nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh cũ ký tên, đóng dấu xác nhận không đúng về nguồn gốc đất và thời điểm tạo lập đất, ghi lùi thời gian để hợp thức; đến năm 2016 thì 02 hộ ông H2 và ông H3 đã được Sở tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng cấp GCNQSDĐ; sau đó ông H2 và ông H3 đã chuyển nhượng thửa đất cho nhiều người thứ cấp khác nhau. Tại giai đoạn 1 của vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Nguyễn Hữu V và Nguyễn Thị Thùy H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xét xử bị cáo Lê Thanh C về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”, đồng thời kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành thu hồi hủy bỏ 02 GCNQSDĐ cấp cho ông H2, ông H3 và các GCNQSDĐ đã cấp cho những người nhận chuyển nhượng thứ cấp; đồng thời kiến nghị thu hồi tất cả các diện tích đất đã cho DNTN Dệt Đa Phước thuê của Nhà nước.

Kết quả điều tra giai đoạn 2 của vụ án xác định: Phùng Đình Dương K là cán bộ công chức địa chính - xây dựng phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng từ ngày 02.6.2014 đến ngày 15.7.2018. Theo quy định của các Văn bản pháp luật của Nhà nước thì Phùng Đình Dương K có trách nhiệm: Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã trong các lĩnh vực: Đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng... Thu thập thông tin, tổng hợp số liệu, lập sổ sách các tài liệu và xây dựng các báo cáo về đất đai, địa giới hành chính, tài nguyên, môi trường... Chủ trì, phối hợp với công chức khác thực hiện các thủ tục hành chính trong việc tiếp nhận hồ sơ và thẩm tra để

xác nhận nguồn gốc, hiện trạng đăng ký và sử dụng đất đai, tình trạng tranh chấp đất đai và biến động về đất đai trên địa bàn; xây dựng các hồ sơ, văn bản về đất đai và việc cấp phép cải tạo, xây dựng các công trình và nhà ở trên địa bàn để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ K đã làm trái công vụ trong việc lập Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của 02 hộ dân không đúng quy định, từ đó tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ký và đóng dấu xác nhận đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận vào Đơn xin cấp GCNQSDĐ lần đầu cho hộ ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Tấn H1, dẫn đến 02 hộ trên được Sở tài nguyên môi trường cấp GCNQSDĐ chồng lên phạm vi thửa đất có diện tích 2.375m² của Doanh nghiệp tư nhân dệt Đa Phước thuê của Nhà nước, tại thời điểm cấp 02 GCNQSDĐ thì hợp đồng thuê đất vẫn đang còn hiệu lực cho đến năm 2022, cụ thể:

Theo quy định của pháp luật: "Việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (công nhận quyền sử dụng đất) cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất **ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004** mà không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai, Điều 18 của Nghị định này và không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 101 của Luật Đất đai, Điều 23 của Nghị định này được thực hiện theo quy định như sau: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là không có tranh chấp sử dụng đất; phù hợp với quy hoạch hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đất đã sử dụng từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch; chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền... thì được công nhận quyền sử dụng đất...".

Tuy nhiên, khi thực hiện nhiệm vụ lập Phiếu xác minh, lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất của 02 hộ ông H2 và ông H3, bị cáo K đã thực hiện không đúng, làm trái công vụ như: Không tổ chức họp lấy ý kiến của khu dân cư để xác minh chính xác nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất của hộ ông H2 mà K đưa cho ông H2 tự liên hệ với các hộ dân để lấy ý kiến và chữ ký xác nhận, những người ký xác nhận vào Phiếu lấy ý kiến không được giải thích là phải xác định chính xác về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất mà chỉ được giải thích là ký xác nhận để hộ ông H2 làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, thậm chí có trường hợp ông Nguyễn Hữu T và Nguyễn Duy T không được lấy ý kiến, không ký vào Phiếu lấy ý kiến nhưng vẫn có chữ ký trong Phiếu, được xác định là chữ ký giả. Đối với hộ ông H3: Bị cáo K có đi xác minh, lấy ý kiến được ông Huỳnh Văn D tổ trưởng Tổ dân phố cho biết hộ ông H3 từ trước đến nay

không sinh sống tại thửa đất, nhưng K vẫn gặp ông vợ chồng Phạm Tam, bà Phùng Thị Bích T và ông Huỳnh Văn D ký vào Phiếu lấy ý kiến; sau đó K tiếp tục đề nghị bà Đồng Thị H, Lê T, Lê T, Lại Thị H là những người dân đi làm rẫy về ký vào Phiếu lấy ý kiến khu dân cư và giải thích là ký cho đủ chữ ký để làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ cho dân...; từ việc làm không đúng nhiệm vụ, công vụ của mình K đã không phát hiện được việc 02 hộ dân này thực tế không có sinh sống ổn định và làm nhà trên đất như Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ghi, dẫn đến việc tham mưu không đúng, khiến cho Nhà nước cấp GCNQSDĐ không đúng đối tượng, không đúng về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, gây hậu quả nghiêm trọng.

Hành vi trên của bị cáo Phùng Đình Dương K đã phạm vào tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự, “Phạm tội từ 02 lần trở lên” như Cáo trạng của VKSNDTP Đà Nẵng đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù; không những đã gây thiệt hại, ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai và cấp GCNQSDĐ, mà còn gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các cá nhân nhận chuyển nhượng đất thứ cấp có liên quan, ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố, tiềm ẩn nguy cơ gây phức tạp về tình hình an ninh, trật tự. Do đó, đối với bị cáo cần phải được xét xử nghiêm và có mức hình phạt tương xứng, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo; đồng thời để răn đe, cảnh tỉnh, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội; có thời gian dài công tác làm việc tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh Bắc, có nhiều thành tích xuất sắc được Ủy ban nhân dân quận Liên Chiểu tặng thưởng Giấy khen; hiện có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đã nghỉ việc từ năm 2018, là lao động chính có vợ và 03 con còn nhỏ; cha bị cáo hiện già yếu được chính quyền địa phương xác nhận là người khuyết tật thân kinh – tâm thần; bị cáo cũng có xác nhận của cơ quan chuyên môn bị bệnh tâm thần dạng rối loạn trầm cảm; trong quá trình tố tụng bị cáo đã thành khẩn Ki báo, hợp tác với cơ quan điều tra, thừa nhận sai phạm và ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội nhưng không có mục đích vụ lợi, động cơ phạm tội là do khối lượng công việc xin cấp GCNQSDĐ của dân nhiều, sợ bị lãnh đạo phê bình và muốn nhanh chóng hoàn thành các thủ tục để dân được cấp GCNQSDĐ. Mặt khác, khi tiếp nhận hồ sơ và thực hiện công việc thẩm tra, xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của 02 hộ trên bị cáo

Kkhông biết được việc ông Lê Thanh C – nguyên Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh cũ đã sử dụng phôi có sẵn dấu mộc của Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh cũ ghi không đúng về nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất và ký lùi thời gian trên các hồ sơ này để hợp thức (sau này các tài liệu này mới được xác định là giả), thực tế khi xác minh vẫn thấy có nhà trên đất nên bị cáo tin hưởng hồ sơ hợp lệ; khi tiếp nhận nhiệm vụ công chức địa chính phường thì bản thân bị cáo và lãnh đạo phường cũng không nắm bắt được việc Nhà nước cho DNTN Dệt Đa Phước thuê diện tích 2.375m² đất trong thửa đất số 292b, tờ bản đồ số 12 do không tiếp nhận được các Văn bản có liên quan đến việc cho thuê đất, nên không phát hiện được các thửa đất hộ ông H2 và ông H3 xin cấp sổ là chồng lên thửa đất DNTN Dệt Đa Phước thuê của Nhà nước; hiện nay hậu quả vật chất về việc cấp 02 GCNQSDĐ không đúng quy định của pháp luật cho hộ ông H2 và ông H3 đã được khắc phục, Tòa án đã tuyên thu hồi hủy bỏ 02 GCNQSDĐ và kiến nghị thu hồi các thửa đất cho thuê hoặc cấp sổ không đúng pháp luật; đối với các chi phí tiền hành cưỡng chế thi hành các quyết định thu hồi đất và hủy GCNQSDĐ đến nay chưa phát sinh, chưa định lượng được và nếu có thì trách nhiệm này liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân chứ không hoàn toàn thuộc về bị cáo.

Đây là các tình tiết về nhân thân, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình tiết khác có liên quan trong vụ án, được HĐXX áp dụng để xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 54 BLHS.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đã nghỉ công chức Nhà nước, không có mục đích vụ lợi, hoàn cảnh gia đình khó khăn; nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Những vấn đề khác có liên quan đến vụ án:

- Đối với ông Nguyễn Đ – nguyên Giám đốc Sở tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng; ông Doãn H – nguyên Trưởng phòng quy hoạch giao đất; ông Trần Nam H – nguyên chuyên viên Phòng quy hoạch giao đất thuộc Sở Tài nguyên môi trường thành phố Đà Nẵng; ông Huỳnh Việt T – nguyên Trưởng phòng quản lý quy hoạch thuộc Sở xây dựng thành phố Đà Nẵng có hành vi thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ quyền hạn của mình trong việc: Không phát hành văn bản, không phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức xác định, bàn giao mốc giới khu đất cho DNTN dệt Đa Phước thuê; không tổ chức bàn giao mốc giới quy hoạch đất; không giám sát việc sử dụng đất của doanh nghiệp; không chuyển hồ sơ cho Thanh tra Sở để thanh tra, kiểm tra đất hằng năm; không chỉnh lý hồ sơ địa chính dẫn đến UBND quận Liên Chiểu, UBND phường Hòa Khánh không biết DNTN dệt Đa Phước thuê đất trên địa bàn; bị cáo Nguyễn Hữu V, và Nguyễn Thị Thùy H sử dụng đất không đúng mục

đích, tự ý chia nhỏ thửa đất đã thuê để bán, chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng chính quyền địa phương, Sở địa chính - nhà đất không biết; cấp GCNQSDĐ chồng lên diện tích đất DNTN Dệt Đa Phước thuê.... Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định: Tài liệu, chứng cứ thu thập được đến nay chưa có cơ sở xác định hậu quả vật chất nên không cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, nên Cơ quan điều tra đã kiến nghị UBND TP Đà Nẵng có hình thức xử lý phù hợp. HĐXX nhận thấy: Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng hiện hành không quy định về hậu quả phi vật chất, tuy nhiên nếu sau này phát sinh thiệt hại về tài sản cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong quá trình cưỡng chế thu hồi đất, thu hồi GCNQSDĐ theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2023/HSST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thì Cơ quan điều tra cần phải xem xét xử lý.

- Đối với Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh quận Liên Chiểu gồm: ông Lê Văn Á, nguyên Giám đốc Chi nhánh; các chuyên viên: Huỳnh Thanh V, Trần Minh H, Bùi Văn C, Vũ Đức P, Đào Ngọc D, Phạm Hữu C. Văn phòng đăng ký đất đai TP Đà Nẵng gồm: Ông Nguyễn Văn A, nguyên Phó Giám đốc Văn phòng; các cá nhân: ông Bùi Văn H (nguyên Trưởng phòng đăng ký, cấp GCNQSDĐ); ông Huỳnh Xuân P (Phó Trưởng Phòng đăng ký, cấp GCNQSDĐ); ông Lê Trung H (nguyên chuyên viên). Những cá nhân nêu trên trong quá trình đo đạc, vẽ sơ đồ thửa đất có sơ suất không phát hiện được 02 thửa đất này chồng lên diện tích đất mà Nhà nước đang cho DNTN Dệt Đa Phước thuê, nên đã tham mưu trình ký cấp GCNQSDĐ cho 02 hộ ông H2 và ông H3; nhưng xét những người này không biết được các thửa đất trên nằm trong diện tích đất DNTN Dệt Đa Phước đang thuê của Nhà nước, không biết được hành vi làm trái công vụ của K, không có vụ lợi; chỉ là vi phạm hành chính công vụ, nên Cơ quan điều tra đã kiến nghị UBND thành phố Đà Nẵng có hình thức xử lý cán bộ, công chức là phù hợp.

+ Đối với các ông Đặng Ngọc N – nguyên chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh Bắc và ông Phan Văn Đ – hiện là chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh Bắc đã có hành vi ký tên và đóng dấu xác nhận đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận vào Đơn xin cấp GCNQSDĐ của hộ ông Nguyễn Tấn H1 và hộ ông Nguyễn Văn H, sau đó 2 hộ này được Sở tài nguyên môi trường cấp Giấy chứng nhận lần đầu. Tuy nhiên xét: Hồ sơ địa chính được lưu trữ, quản lý tại UBND phường Hòa Khánh Bắc ghi nhận thửa đất số 292b, tờ bản đồ số 12 là đất trồng cây lâu năm, chưa có người sử dụng nên quy chủ cho UBND xã Hòa Khánh (cũ) quản lý, không có thông tin DNTN dệt Đa Phước thuê đất trên thửa đất này. UBND phường Hòa Khánh Bắc qua các thời kỳ không được bàn giao hồ sơ thuê đất của DNTN Dệt Đa Phước; thời điểm Ông N, và ông Đ ký xác vào Đơn xin cấp GCNQSDĐ của hộ ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Tấn H1 thì doanh nghiệp đã không còn hoạt động. Ông N, và ông Đ ký xác nhận vào đơn xin cấp GCNQSDĐ của hộ ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Tấn H1 căn cứ vào ý kiến tham mưu, đề xuất của công chức địa chính Phùng Đình Dương K; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư do K lập và hồ sơ chứng minh thời điểm sử dụng đất do chủ hộ cung cấp gồm đơn xin chuyển nhượng nhà đất đối với hộ ông Nguyễn Văn H và đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở đối với hộ ông Nguyễn Tấn H1 đã có chữ ký, đóng dấu của

ông Lê Thanh C – nguyên Phó chủ tịch UBND phường Hòa Khánh trước đây. Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Tấn H1 có chữ ký xác nhận của ông Huỳnh Văn D – Tổ trưởng và các hộ dân liền kề; ông Đặng Ngọc N, Phan Văn Đ do tin tưởng vào việc lấy ý kiến khu dân cư của Phùng Đình Dương K - công chức địa chính phường là đúng quy trình; Ông N và ông Đ không biết được việc K cố ý làm trái công vụ trong việc lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của các hộ dân nói trên. Hơn nữa, theo quy định và quy chế làm việc thì không có quy định bắt buộc Chủ tịch UBND phường phải trực tiếp xác minh thực địa để xác định lại kết quả do công chức địa chính – xây dựng thực hiện. Không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc ông Đặng Ngọc N, Phan Văn Đ vì vụ lợi hoặc vì động cơ cá nhân khác mà xác nhận sai về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất cho hộ ông H3 và ông H2. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định: Hành vi của ông Đặng Ngọc N, Phan Văn Đ không cấu thành tội phạm; mà Ông N và ông Đ phải chịu trách nhiệm với tư cách người đứng đầu đơn vị để xảy ra sai phạm và cán bộ của mình vi phạm pháp luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ, và phù hợp.

- Đối với ông Huỳnh Văn D, nguyên Tổ trưởng Tổ dân phố 51C, nay đã nghỉ việc, và các cá nhân khác có ký vào Phiếu lấy ý kiến khu dân cư xác định về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Tấn H1: Xét việc lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất là trách nhiệm của công chức địa chính – xây dựng; khi lấy ý kiến cho thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn H, ông Huỳnh Văn D đã cung cấp cho Phùng Đình Dương K biết vợ chồng ông Nguyễn Văn H không sinh sống trên thửa đất, K cũng không giải thích rõ là phải xác định chính xác 02 hộ này có sinh sống ổn định và làm nhà trên đất từ trước tháng 07 năm 2004 hay không, chỉ yêu cầu những người này ký cho đủ thủ tục để GCNQSDĐ cho người dân; hơn nữa, bản thân ông Huỳnh Văn D và những người này không biết được việc làm trái công vụ của bị cáo K, không nhận lợi ích vật chất gì từ ai, không giúp sức cho hành vi phạm tội của Phùng Đình Dương K, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối với việc thu hồi, hủy bỏ 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng quy định của pháp luật và việc thu hồi các diện tích đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Tấn H1 và hộ ông Nguyễn Văn H, đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 49/2023/HSST ngày 19/6/2023, nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phùng Đình Dương K phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

1. Căn cứ: điểm b khoản 2 Điều 356; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Phùng Đình Dương K 03** (Ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/7/2023.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo **Phùng Đình Dương K** phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN;
- Phòng PC 45- CATPĐN;
- Cục THA TP Đà Nẵng;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Minh Long

Hành vi của các cá nhân nêu trên là thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, tuy nhiên, tài liệu, chứng cứ thu thập được đến nay không có cơ sở xác định hậu quả vật chất nên không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra sẽ kiến nghị UBND TP Đà Nẵng có hình thức xử lý phù hợp. Trường hợp sau này, nếu phát sinh thiệt hại về tài sản cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thì Cơ quan điều tra sẽ xử lý sau.

Hành vi của ông Huỳnh Việt T là thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ; tuy nhiên đến nay, tài liệu, chứng cứ thu thập được không có cơ sở xác định hậu quả vật chất nên không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra sẽ kiến nghị UBND TP Đà Nẵng có hình thức xử lý phù hợp. Trường hợp sau này, nếu phát sinh thiệt hại về tài sản cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thì Cơ quan điều tra sẽ xử lý sau.